

Số: /BC-UBND

Ia Bang, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn (giai đoạn 2016-2021)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Ia Bang là xã nằm cách trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện Chư Prông khoảng 25 km về phía Đông Bắc. Dân cư phân bố tập trung dọc theo hai bên đường, xã có vị trí tương đối thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa với bên ngoài.

Phía Đông giáp với xã Ia Hlốp, Ia Glai thuộc huyện Chư Sê; Phía Tây giáp với xã Ia Tôr, Ia Me thuộc huyện Chư Prông; Phía Nam giáp xã Ia Vê, Ia Pia thuộc huyện Chư Prông; Phía Bắc giáp xã Ia Băng thuộc huyện Chư Prông.

Trên địa bàn xã có 1119 hộ, 4500 nhân khẩu với 07 dân tộc anh em đang sinh sống: Kinh, Jrai, Sán Dìu, Thái, Tày, Nùng, Mường trong đó dân tộc thiểu số chiếm 67,84%.

Với tổng diện tích đất tự nhiên là 4036,1ha; trong đó đất nông nghiệp 3739 ha; đất phi nông nghiệp 159,38 ha; đất chưa sử dụng 137,29 ha. Chủ yếu là đất đỏ Ba zan chủ yếu sản xuất cây công nghiệp và cây lương thực như: cao su, cà phê, hồ tiêu, mỳ, lúa; vật nuôi chủ yếu là bò, dê, heo..

Toàn xã có 06 thôn làng; trong đó có 03 thôn, làng ĐBK (làng Bang Ngol, Mút Thong, Nét); có 02 doanh nghiệp trồng cao su: Nông trường cao su Hòa Bình, Trung tâm thực nghiệm cao su Tây Nguyên và 01 công ty thu mua nông sản.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo tại thời điểm cuối năm 2021 toàn xã có 341 hộ chiếm tỷ lệ 30,47%. Trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 327 hộ, chiếm tỷ lệ 95,89% tổng số hộ nghèo .

Những yếu tố tác động trực tiếp làm phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ yếu là những hộ gia đình người dân tộc thiểu số mới tách hộ không có tài sản, không có việc làm ổn định; tư duy, văn hoá, cách thức làm việc của đồng bào dân tộc thiểu số chưa được thay đổi, còn trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước. Bên cạnh đó, trong thời gian qua do tình hình thời tiết diễn biến bất thường, giá cả các mặt hàng nông sản xuống thấp, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xảy ra trên địa bàn xã, nhất là tác động của đại dịch Covid-19 nên tình hình phát triển sản xuất trên địa bàn xã gặp không ít khó khăn, thách thức dẫn đến phát sinh hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

Trong thời gian qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn xã được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, giám sát của HĐND xã, quản lý chỉ đạo điều hành của UBND xã và sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận, các đoàn thể. Hàng năm, UBND xã đều Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã, phân công thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo xã phụ trách các thôn, làng để tập trung thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, huy động các nguồn lực đầu tư cho hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo tỷ lệ hộ thoát nghèo đạt kế hoạch đề ra và bền vững. Chỉ đạo các thôn, làng quan tâm đến công tác giảm nghèo trên địa bàn, phân công công chức, cán bộ, đảng viên phụ trách, giúp đỡ trực tiếp từng hộ nghèo triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, giúp hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Quyết định số 25/QĐ – UBND ngày 12/5/2016 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo giai đoạn 2016-2020.

Kế hoạch số 03/KH – BCD ngày 16/09/2017 của Ban chỉ đạo giảm nghèo xã về việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2017 và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

Quyết định số 63/QĐ – UBND ngày 18/09/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, cuối năm 2019 và kế hoạch 01/KH – BCD ngày 11/9/2019 về việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, cuối năm 2019.

Kế hoạch số 16/KH- UBND ngày 20/04/2019 Giảm nghèo bền vững trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Ia Bang năm 2019

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 24/05/2020 về việc Kiện toàn Ban quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã Ia Bang giai đoạn 2017-2020.

Kế hoạch số 44/KH- UBND ngày 25/5/2021 về việc thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2021.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến thực hiện chính sách pháp luật về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã.

*** Hình thức tuyên truyền phổ biến**

UBND xã đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức nhiều cuộc họp tuyên truyền về công tác giảm nghèo bền vững cho cán bộ các ban, ngành, và nhân dân trên địa bàn xã theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho người

nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp của nhà nước, tăng cường cơ sở hạ tầng nông thôn, đời sống của người dân từng bước cải thiện, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể; chỉ đạo các ban ngành tăng cường tuyên truyền về chuẩn nghèo đa chiều về các chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước về mục đích ý nghĩa của việc điều tra để người dân biết, tham gia vào hoạt động điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, nhất là vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số, giúp cho hộ nghèo nhận thức được thoát nghèo là trách nhiệm chính của gia đình, nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch thoát nghèo bền vững, nhằm khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo.

3.Kết quả thực hiện

3.1 Việc điều tra, rà soát hàng năm

Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH, UBND xã đã chú trọng đến việc triển khai bước xác định, lập danh sách các hộ gia đình cần rà soát thông qua sử dụng phiếu A để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình nhằm loại trừ những hộ khá giả ra khỏi danh sách điều tra và không bỏ sót những hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên được thực hiện theo Điều 5 Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

- Việc điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Điều 6 Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

- Sau khi có kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ủy ban nhân dân xã, đã tiến hành niêm yết công khai kết quả theo Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 quy định: Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, làng trong thời gian 07 ngày làm việc. Trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban chỉ đạo giảm nghèo xã, tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát theo đúng quy trình.

- Ủy ban nhân dân xã, tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn sau khi hoàn tất quy trình niêm yết công khai (và phúc tra nếu có khiếu nại của người dân) để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến thẩm định trước khi ban hành Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả rà soát. Việc xin ý kiến thẩm định và tổ chức kiểm tra, phúc tra (nếu có) trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi báo cáo, xin ý kiến thẩm định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ kết quả phân loại hộ gia đình qua điều tra, rà soát, tiếp thu ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện để quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn; thực hiện cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được phê duyệt để phục vụ cho công tác quản lý đối tượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước;

- Kết quả tổng hợp giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, và phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, phân tích hộ nghèo đa chiều thiếu hụt từng chỉ số (*kèm theo biểu 4a, 4b, 5a, 5b*), kết quả cụ thể:

Năm 2016: Hộ nghèo : 152 hộ tỷ lệ 15,61 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 145 hộ tỷ lệ 95,39 %.

Hộ cận nghèo: 78 hộ tỷ lệ 8 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 72 hộ, tỷ lệ 86,22 %.

Năm 2017: Hộ nghèo : 161 hộ tỷ lệ 15,31 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 155 hộ tỷ lệ 96,27 %.

Hộ cận nghèo: 136 hộ tỷ lệ 12,94 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 107 hộ, tỷ lệ 78,67 %.

Năm 2018: Hộ nghèo : 143 hộ tỷ lệ 13,95 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 137 hộ tỷ lệ 95,8 %.

Hộ cận nghèo: 171 hộ tỷ lệ 16,68 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 167 hộ, tỷ lệ 97,66 %.

Năm 2019: Hộ nghèo : 120 hộ tỷ lệ 10,98 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 111 hộ tỷ lệ 92,5%.

Hộ cận nghèo: 177 hộ tỷ lệ 16,2 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 149 hộ, tỷ lệ 84,18 %.

Năm 2020: Hộ nghèo : 106 hộ tỷ lệ 9,82 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 90 hộ tỷ lệ 84,90 %.

Hộ cận nghèo: 233 hộ tỷ lệ 21,6 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 189 hộ, tỷ lệ 81,11 %.

Năm 2021: Hộ nghèo : 253 hộ tỷ lệ 23,2 %, trong đó hộ nghèo là DTTS 241 hộ tỷ lệ 95,3 %.

Hộ cận nghèo: 192 hộ tỷ lệ 17,6 %, trong đó hộ cận nghèo là DTTS 167 hộ, tỷ lệ 87 %.

3.2 Mục tiêu thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

3.2.1 Mục tiêu giảm nghèo đa chiều:

Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: Từ 1.5 đến 2.5%/năm.

Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số: 2.0%/năm.

3.2.2 Các chính sách hỗ trợ cho người nghèo:

- Các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã:

*** Năm 2016:**

+ Dự án hỗ trợ phân hóa học NPK 16-16-8-13S: số tiền thực cấp phân bón là: 26.192.856đ, quy ra phân bón 1,706.39kg .

+ Dự án hỗ trợ giống bò: 10 con/10 hộ/01 Đã thực hiện xong.

*** Năm 2017:**

+ Dự án hỗ trợ phân hóa học NPK 16-16-8-13S cho 56 hộ: số tiền thực cấp phân bón là: 27.440.000đ, quy ra phân bón 2,019.13 .

+ Dự án hỗ trợ giống bò: 10 con/10 hộ/01 Đã thực hiện xong.

*** Năm 2018:**

+ Dự án hỗ trợ phân hóa học NPK 16-16-8-13S cho 229 hộ: số tiền thực cấp phân bón là: 85.200.000đ, quy ra phân bón 6,094.42 .

+ Dự án hỗ trợ giống bò: 8 con/8 hộ/01 Đã thực hiện xong.

*** Năm 2019:**

+ Dự án hỗ trợ phân hóa học NPK 16-16-8-13S: số tiền thực cấp phân bón là: 3.000.000đ, quy ra phân bón 198,6kg/01 hộ/01 ha tổng diện tích của 01 hộ là 01 ha

+ Dự án hỗ trợ giống bò: 11con/11 hộ/01 con (một hộ được nhận 01 con) tổng số con của 11 hộ là 11 con. Số tiền dự án cấp và UBND xã phân bổ cho một con bò giống cỏ sinh sản là 7.000.000đ tổng số tiền NSNN cấp là 77.000.000đ. Đối ứng 01 con bò giống sinh sản là 3.500.000 đ, tổng tiền: 11 con là 38.500.000đ

Đã thực hiện xong.

*** Năm 2020:**

+ Dự án hỗ trợ nước sinh hoạt theo đề án được phê duyệt tại quyết định 702/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai với 04 bình Inox, loại 500lít.

Hỗ trợ cho 8 hộ nghèo, trong đó mỗi hộ hỗ trợ 01con bò giống.

- Các dự án phát triển sản xuất theo chương trình 135 đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn xã:

Sau khi nguồn vốn được phân bổ đã tiến hành họp bình xét hộ để xây dựng dự án để thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế ngoài chương trình 135 đã được UBND huyện phê duyệt.

+ Năm 2018 Đã xây dựng dự án trồng trọt và được huyện phê duyệt có 10 hộ đăng ký phân bón tham gia dự án, thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2018: cấp 3.181,16 kg phân bón NPK cho 10 hộ

nghèo (thuộc làng Dơ Ngol, Tor Bang) với tổng số tiền 50.000.000đ. do công ty miền núi thực hiện cấp phát.

+ Năm 2019: thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2019: Cấp 01 con bò giống cho 01 hộ, cấp 696 kg phân bón NPK cho 02 hộ (Trong đó: 01 hộ cận nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo thuộc làng Mút thông) với tổng số tiền 26.440.000đ

+ Năm 2020: Cấp 01 con bò giống, cấp 296,3 kg phân bón NPK cho 01 hộ nghèo thuộc làng Bang Ngol với tổng số tiền 20.000.000đ.

- Công tác phối hợp, kiểm tra, kiểm soát trong việc triển khai thực hiện luôn được cấp ủy và chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo giữa cán bộ chuyên môn với UBMTTQ xã và các đoàn thể. Việc cấp phát và hỗ trợ kịp thời, không xảy ra tiêu cực, thất thoát.

- Thông qua việc thực hiện dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình cấp vật nuôi và phân bón đã giúp người dân phát triển kinh tế hộ, đầu tư chăm sóc cây trồng.

Sau khi triển khai dự án, UBND xã chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp với ban thôn, làng có hộ dân tham gia báo cáo hiệu quả sử dụng vật tư, vật nuôi. Đặc biệt là bón phân kịp tiến độ vụ mùa, tình hình sinh trưởng của vật nuôi để có hướng xử lý.

Hộ dân tham gia dự án nhiệt tình hưởng ứng cam kết tham gia dự án không mua bán trao đổi vật tư, vật nuôi sau khi nhận hỗ trợ mà phục vụ phát triển kinh tế lâu dài.

*** Đề án 755**

Qua kiểm tra trong 18 hộ thuộc diện được hỗ trợ đều thuộc hộ nghèo.

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành rà soát nhu cầu đăng ký hỗ trợ của từng hộ và có 17 hộ đăng ký vật dụng chứa nước và 01 hộ tự tạo nguồn nước. UBND xã đã tiến hành cấp 17 bồn chứa nước cho 17 hộ nghèo còn 01 hộ đăng ký tự tạo nguồn nước. Qua kiểm tra hộ đã đào giếng sâu 19m đủ nguồn nước sinh hoạt nhưng UBND xã chưa rút kinh phí nên chưa bàn giao số tiền theo đề án.

- Chính sách dạy nghề, tạo việc làm:

Trong thời gian qua UBND xã đã phối hợp với trung tâm GDTT mở được 6 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp (01 lớp nề, 01 lớp điện, 01 lớp sửa chữa máy nổ công suất nhỏ, và 1 lớp Công chiêng với 50 học viên tham gia. Đã tuyển dụng được 180 công nhân vào làm việc tại các đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Hỗ trợ về y tế: Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, đảm bảo tất cả người nghèo đều được tiếp cận chính sách hỗ trợ về y tế, được khám chữa bệnh theo quy định. Giai đoạn 2016-2021 đều được cấp thẻ BHYT cho các thành viên hộ nghèo, cận nghèo.

- Hỗ trợ giải quyết các tiêu chí thiếu hụt về giáo dục:

Chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về giáo dục được chú trọng thực hiện, nhất là miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo, cận nghèo. Giai đoạn 2017-2021 đã hỗ trợ cho 1.197 lượt học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo với tổng số tiền là 556.050.000 đồng.

Chính sách hỗ trợ thông tin truyền thông:

Trong 2020 trên địa bàn xã hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ đầu tư truyền hình.

- Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh:

Hỗ trợ cho 62 gia đình làm nhà vệ sinh với kinh phí là 889.500.000đ để xây dựng nước sạch nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ là hộ nghèo.

-Xây dựng cơ sở hạ tầng :

* Năm 2017: Kế hoạch giao 440.000.000 đồng; giải ngân 440.000.000 đ. đồng, đạt tỷ lệ 100%, chuyển nguồn qua năm sau 0 đ. đồng, xây dựng Sân bê tông, hàng rào, trụ cờ, giếng nước, nhà VS điểm trường Nguyễn Thái Học làng Bang Ngol.

- Kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật hỗ trợ giảm nghèo:

Hàng năm, UBND xã và các ngành trong hệ thống chính trị xã làm tốt công tác quán triệt, phổ biến các chính sách an sinh xã hội, các văn bản liên quan đến công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua đó, thực hiện hiệu quả các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, để vươn lên thoát nghèo.

- Vay vốn xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm

Năm 2016: Dư nợ đạt: 8.242.750.000 đồng.

Năm 2017: Dư nợ đạt: 10.503.850.000 đồng.

Năm 2018: Dư nợ đạt: 11.166.997.000 đồng.

Năm 2019: Dư nợ đạt: 13.357.400.000 đồng.

Năm 2020: Dư nợ đạt: 17.506.400.000 đồng.

Năm 2021: Dư nợ đạt: 20.100.600.000 đồng.

-Chương trình hỗ trợ nhà ở:

Năm 2019: xây dựng được mới 01 căn nhà hộ nghèo

Năm 2020: xây dựng được mới 02 căn nhà hộ nghèo

- Hàng chính sách và cứu trợ xã hội:

Trong những năm qua, UBND xã đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể của xã vận động các tổ chức cá nhân, các nhà hảo tâm tổ chức cấp phát, hỗ trợ, tặng quà cho những gia đình nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cụ thể như sau:

Năm 2016: tổng số 200 xuất quà các loại, giá trị 60.000.000 đồng

Năm 2017: tổng số 350 xuất quà các loại, giá trị 105.000.000 đồng

Năm 2018: tổng số 400 xuất quà các loại, giá trị 120.000.000 đồng

Năm 2019: tổng số 408 xuất quà các loại, giá trị 122.400.000 đồng

Năm 2020: tổng số 420 xuất quà các loại, giá trị 126.000.000 đồng

Năm 2021: tổng số 430 xuất quà các loại, giá trị 129.800.000 đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được trong việc tổ chức triển khai thực hiện:

Giai đoạn 2016-2021 áp dụng phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều và chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ người nghèo nâng cao thu nhập, tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh và thông tin. UBND xã đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo thông qua các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021. Nhờ đó, kết quả giảm nghèo và cách tiếp cận giải quyết vấn đề nghèo đói trên địa bàn xã thời gian qua tiếp tục được các đối tác phát triển.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách

Thông qua công tác tuyên truyền về giảm nghèo, đã truyền tải, phổ biến các chính sách, chương trình giảm nghèo đến được đông đảo cộng đồng, người dân, đồng thời khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, loại bỏ dần tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách của Nhà nước để tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên khá giả số hộ nghèo, cận nghèo tái nghèo.

3. Thuận lợi, khó khăn vướng mắc

Thuận lợi

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai cùng với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, các chính sách về dạy nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ về giáo dục đào tạo, tín dụng ưu đãi, an sinh xã hội ... trong thời gian qua đã giúp cho xã có thêm các điều kiện, nguồn lực để đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy quá trình giảm nghèo nhanh và bền vững. Hệ thống giao thông nông thôn, điện đường, trường, trạm được đảm bảo đáp ứng và phục vụ tốt nhu cầu đi lại, học tập, khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn xã.

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, giúp cho người nghèo có việc làm, có thu nhập ổn định, cơ bản thoát nghèo.

Công tác quản lý, nắm bắt tình hình đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm có chuyển biến tích cực so với các năm trước. Đảm bảo dân chủ trong bình xét hộ nghèo theo quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo.

Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Việc giảm nghèo chưa thật sự bền vững; chênh lệch giàu-nghèo giữa nhóm dân cư chưa được thu hẹp, đặc biệt là ở những thôn, làng có tỷ lệ hộ nghèo cao; một bộ phận người dân nghèo còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa ý thức để vươn lên thoát nghèo. Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo tuy nhiều nhưng dàn trải. Một số hộ nghèo chưa nhận thức đầy đủ việc vay vốn, chính sách tín dụng nên có tâm lý không muốn vay vốn phát triển sản xuất; nhiều hộ sử dụng vốn vay chưa hiệu quả, nhất là đối với hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác tạo việc làm cho người lao động, đặc biệt lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa thật sự ổn định. Khó khăn trong tạo việc làm cho người lao động, đầu ra một số sản phẩm nông nghiệp chưa ổn định.

Những chính sách giảm nghèo thời gian qua nhìn chung đều phát huy được hiệu quả, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của xã. Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư cho chương trình giảm nghèo hạn chế, chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Trung ương. Có nhiều chính sách giảm nghèo nhưng chủ yếu mang tính hỗ trợ, trong khi chính sách đầu tư tạo sinh kế cho người nghèo chưa nhiều, do vậy chưa tạo ra sự đột phá trong thực hiện chương trình.

4. Giải pháp:

Đối với các gia đình già yếu, bệnh tật, thiếu lao động, không có khả năng thoát nghèo, cần vận động xã hội hỗ trợ và thực hiện chính sách xã hội để bảo đảm an sinh xã hội. Về lâu dài, xếp những đối tượng này vào diện bảo trợ xã hội thường xuyên.

Có nhân lực, có nhu cầu lao động nhưng thiếu tư liệu sản xuất, thiếu việc làm. Đây là nhóm có khả năng thoát nghèo cao. Đối với đối tượng này cần tập trung cho vay vốn, hỗ trợ tư liệu sản xuất, tạo việc làm để thoát nghèo. Có thể thực hiện các mô hình mỗi chi bộ, mỗi đoàn thể giúp 1 hộ thoát nghèo,...

Với những hộ có quá ít đất sản xuất, không có thu nhập thêm ngoài làm nông nghiệp đơn giản, cần nghiên cứu, hướng dẫn để họ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, đưa các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với thổ nhưỡng.

Đối với hộ nghèo thiếu một trong những dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin thì cần có những chính sách tiếp cận, hỗ trợ nhằm giúp đồng bào DTTS cải thiện và từng bước xóa những chiều thiếu hụt này.

Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí; nâng cao thể chất lực lượng lao động; đào tạo nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế cho người nghèo. Thực tiễn cho thấy, nguyên nhân nghèo đói không chỉ do môi trường, điều kiện địa lý mà còn do hoàn cảnh và đặc điểm cá nhân, từng hộ gia đình, trong đó mấu chốt là vấn đề tri thức. Do vậy, cần xây dựng chương trình “xóa nghèo tri thức đối với người nghèo dân tộc thiểu số”.

Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và truyền thông bằng tiếng DTTS:
Tìm hiểu nhu cầu thông tin của người DTTS, cải thiện các chương trình phát thanh, làm hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu thông tin của người dân. Tập huấn thực hiện các chương trình phát thanh DTTS hiện đại; Tập huấn, tham quan học tập việc thực hiện các chương trình phát thanh tương tác.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, bất cập để có sự điều chỉnh kịp thời hoặc có các biện pháp xử lý, chỉnh đốn thực hiện nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các chính sách để phù hợp với thực tế.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đề xuất điều chỉnh chính sách hỗ trợ người nghèo vùng DTTS cần chuyển dần từ việc hỗ trợ trực tiếp thành việc hỗ trợ sinh kế là chủ yếu. Gắn trách nhiệm của người được hưởng lợi vào hiệu quả của các chương trình hỗ trợ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn xã.

Nơi nhận:

- Ban dân tộc huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- UBMTTQVN xã & các thành viên;
- 06 thôn làng;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Trúc